|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I**  **CÁNH DIỀU** |

**I. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | 60 |
| Hài kịch |
| Văn bản nghị luận |
| Văn bản thông tin |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề của đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**II. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | **Nhận biết:**  - Nhận biết đề tài, bối cảnh, cốt truyện, tình huống, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong truyện cười.  - Nhận biết được các yếu tố gây cười trong truyện cười.  - Nhận biết được đối tượng trào phúng, châm biếm trong truyện cười.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục đích giao tiếp.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được tình cảm, thái độ của tác giả dân gian với đối tượng trào phúng thể hiện qua văn bản.  - Phân tích được tác dụng của các chi tiết, tình huống gây cười.  - Khái quát, rút ra được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.  - Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ, câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.  - Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của truyện cười. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| Hài kịch | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng.  - Nhận biết được cách phân cảnh, hồi, cốt truyện và nhân vật của hài kịch.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp.  **Thông hiểu:**  **-** Tóm tắt được cốt truyện của vở kịch.  - Phân tích được vai trò, tác dụng của một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng.  - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật kịch thể hiện qua hành động, ngôn ngữ, xung đột.  - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của vở kịch.  - Xác định được sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản kịch.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc văn bản hoặc xem diễn xuất vở kịch. |
| Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Xác định được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp được sử dụng trong văn bản. Xác định được một số thành ngữ thông dụng, các yếu tố Hán Việt.  **Thông hiểu:**  - Nêu được nội dung bao quát của văn bản.  - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.  - Phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.  - Xác định được sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh,  từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả. |
| Văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của một số kiểu văn bản thông tin như: văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem.  - Nhận biết được cách trình bày thông tin trong văn bản như theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.  - Nhận biết được các trợ từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp được sử dụng trong văn bản. Xác định được một số thành ngữ thông dụng, các yếu tố Hán Việt.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản.  - Phân tích được đặc điểm của một số kiểu văn bản thông tin: văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Phân tích được cách trình bày thông tin trong văn bản như theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.  **Vận dụng**:  - Liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.  - Đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản cụ thể. |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề của đời sống | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. Trình bày rõ vấn đề và thể hiện rõ ý kiến (đồng tình hay phản đối) về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. |  |  |  | 1TL\* |
| Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng; trình bày mạch lạc, thuyết phục. |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên:..............................................  Lớp 8:…………....................................  **Điểm** | *Ngày kiểm tra:……../……../ 2024*  **ĐỀ KTĐG CUỐI HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC 2023- 2024**  **Môn: Ngữ văn –Lớp 8 ( Tiết 70 + 71 )**  Thời gian: 90 phút*( không kể thời gian giao đề)* |

**ĐỀ SỐ 2**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**ĐẾN CHẾT VẪN HÀ TIỆN**

Ngày xưa có anh nhà giàu, [tính hà tiện](https://truyendangian.com/den-chet-van-ha-tien/), ăn chẳng dám ăn, mặc chẳng dám mặc, chỉ khư khư tích của làm giàu. Có người bạn rủ ra tỉnh[1] chơi, anh nấn ná không đi vì sợ, đi với bạn phải đãi bạn. Bị người ta chê cười mãi, một hôm, anh vào buồng giắt một quan tiền[2] vào lưng, rồi sai một người ở cùng đi lên tỉnh.

Đến tỉnh, anh trông thấy cái gì cũng muốn mua, nhưng sợ mất tiền rồi lại thôi. Trời nắng như thiêu, anh muốn vào quan uống nướcc, nhưng sợ phải trả tiền cho người nhà, đành đi qua.

Đến chiều trở về, khi qua đò, đến giữa dòng, anh khát quá không chịu được mới cúi xuống uống nước chẳng may lộn cổ xuống sông.

Anh người nhà vội kêu to lên:

- Ai cứu chủ tôi, xin thưởng một quan tiền!

Anh keo kiệt đương loay hoay giữa dòng, nghe tiếng, cố ngoi lên nói:

- Một quan đắt lắm!

Anh người nhà vội chữa lại:

- Thôi thì năm tiền vậy!

Anh keo kiệt lại cố ngoi lên một lần nữa và chỉ kịp nói: “Năm tiền còn đắt quá…!”[3] rồi chìm nghỉm.

***(****Truyện cười dân gian– TruyenDanGian.Com)*

**\* Chú thích**

*1. Ra tỉnh:* tức là ra tỉnh lị, lên tỉnh lị, nay gọi là thị xã.

*2. Giắt một quan tiền*: thời xưa tiều xâu lại thành chuỗi, cứ mười đồng là một tiền, trăm đồng là một quan (một quan có mười tiền).

3. Truyện này cũng có nơi kể với một vài chi tiết khác, thí dụ chi tiết “Anh keo kiệt ra tỉnh với người bạn” hay ở đoạn cuối: Năm tiền hôi, một quan phí lắm”. Truyện trên đây soạn lại dựa theo các tài liệu của Đỗ Thận và Nguyễn Hồng Phong.

**1. Điền vào bảng chữ cái đầu của phương án trả lời đúng nhất:**

**Câu 1 (0,5 điểm).** Đối tượng mà tiếng cười hướng đến là ai?

A. Anh chàng nhà giàu B. Người bạn

C. Người ở D. Các nhân vật trong truyện

**Câu 2 (0,5 điểm).** Đối tượng gây cười thuộc kiểu nhân vật nào?

A. Khôn ngoan B. Keo kiệt C. Tham ăn D. Lười biếng

**Câu 3 (0,5 điểm).** Nét tính cách của anh nhà giàu **không** được thể hiện qua hành động nào?

A. Khi ra đến chợ tỉnh muốn mua nhưng sợ mất tiền

B. Khát nước cũng không dám mua vì sợ thiết đãi bạn

C. Khi bị ngã sông vẫn tiếc tiền hơn mạng sống

D. Bỏ hết tiền ra treo thưởng để mình được cứu

**Câu 4 (0,5 điểm).** Phương án nào sau đây nêu đặc điểm thể loại của văn bản trên?

A. Nội dung thường viết về các câu chuyện hoang đường  
B. Cốt truyện thường mượn các con vật để nỏi chuyện con người

C. Bối cảnh truyện thường là các tình huống mâu thuẫn giữa thật và giả.

D. Truyện thường do dân gian kể và lưu truyền lại cho đời sau.

**Câu 5 (0,5 điểm).** Em hiểu thế nào về nghĩa của từ “*hà tiện*” là gì?

A. là phẩm chất của sự tiết kiệm, thận trọng trong việc [tiêu thụ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%C3%AAu_d%C3%B9ng) các [nguồn lực có thể](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A0i_nguy%C3%AAn) tiêu hao như [thực phẩm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%B1c_ph%E1%BA%A9m), [thời gian](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%9Di_gian) hoặc [tiền bạc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%81n), và tránh lãng phí, xa hoa hoặc phung phí chúng.

B.chỉ việc sử dụng của cải, vật chất, thời gian, ...một cách đúng mực, không gây lãng phí và có tính bền vững cao.

C. chỉ cách chi tiêu tiết kiệm nhưng ở mức thái quá, không dám tiêu pha gì chỉ muốn dành dụm để tiết kiệm, nhiều khi tính toán đến mức bủn xỉn.

D. trái với sự chi tiêu phóng khoáng, rộng rãi, không toan tính.

**Câu 6 (0,5 điểm).** Đâu là chi tiết gây cười nhất trong câu chuyện?

A. Anh nhà giàu, [tính hà tiện](https://truyendangian.com/den-chet-van-ha-tien/), ăn chẳng dám ăn, mặc chẳng dám mặc, chỉ khư khư tích của làm giàu.

B. Có người bạn rủ ra tỉnh[1] chơi, anh nấn ná không đi vì sợ, đi với bạn phải đãi bạn.

C. Anh chàng khát nước, muốn uống nước nhưng lại sợ trả tiền.

D. Anh keo kiệt lại cố ngoi lên một lần nữa và chỉ kịp nói: “Năm tiền còn đắt quá…!”rồi chìm nghỉm.

**Câu 7 (0,5 điểm).** Chi tiết “*Anh keo kiệt lại cố ngoi lên một lần nữa và chỉ kịp nói: “Năm tiền còn đắt quá…!”rồi chìm nghỉm*.” có ý nghĩa gì?

A. Anh hà tiện không thể chấp nhận mức giá đắt đỏ đó.

B. Mỉa mai, phê phán thói hà tiện, bủn xỉn của tác giả dân gian với nhân vật anh chàng keo kiệt. Bản tính hà tiện bị đánh đổi đánh mất cả mạng sống.

C. Thể hiện thái độ nể phục về mức hà tiện của nhân vật.

D. Đồng tình với sự quyết định của anh chàng hà tiện.

**Câu 8 (0,5 điểm).** Truyện “*Đến chết vẫn hà tiện*” được đặt nhan đề theo cách nào?

A. Lấy tên một nhân vật chính trong tác phẩm

B. Lấy tên một sự kiện, hình ảnh cụ thể, hiện tượng, ....có trong tác phẩm

C. Lấy tên một địa danh cụ thể để nói tới trong tác phẩm

D. Đặt tên gắn với thể loại tác phẩm

**2. Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9 (1,0 điểm).** Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.

**Câu 10 (1,0 điểm).** Theo em, lối sống hà tiện gây hại gì cho con người?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận về hiện tượng nghiện Game online của giới trẻ hiện nay.

**BÀI LÀM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh đọc văn bản và rút ra bài học ý nghĩa nhất đối với mình từ văn bản trên.  \* Bài học ý nghĩa: HS có thể chọn một trong các bài học sau:   * - Chúng ta không nên sống hà tiện, keo kiệt nhất là đối với bản thân. * - Chúng ta cần biết điều chỉnh chi tiêu cho phù hợp với nhu cầu và hoàn cảnh thực tiễn của mình. * - Đừng vì tiền bạc mà đánh mất đi những thứ quí giá, nhất là mạng sống của con người.   ... | 1,0 |
|  | **10** | Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm nổi bật được tác hại của một thói quen xấu mà con người dễ mắc phải.  Ví dụ: Những tác hại của lối sống hà tiện cho con người  + phải chịu cuộc sống khắc khổ quá mức, thiếu những điều kiện vật chất tối thiểu cho chính mình và gia đình, ảnh hưởng đến sức khỏe và làm giảm chất lượng cuộc sống.  + phải chịu đựng những khó khắn không đáng có, kìm hãm sự phát triển của bản thân  + đánh mất cơ hội có bạn bè, người thân, thiếu sự gắn kết với xã hội  + là lực cản, làm tụt lùi sự phát triển của xã hội.  ... | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khẳng định vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề:* nghiện Game online của giới trẻ hiện nay |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:*  HS viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối), đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng thuyết phục  **\* Mở bài:**  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận: nghiện Game online của giới trẻ hiện nay  - Đưa ra ý kiến cá nhân (không tán thành, phản bác lại hiện tượng)  **\* Thân bài:**  - Nêu ra thực trạng của hiện tượng nghiện Game online của giới trẻ hiện nay.  - Phân tích các nguyên nhân, tác hại của hiện tượng nghiện Game online của giới trẻ hiện nay  - Đưa ra các giải pháp cần thực hiện  **\* Kết bài:**  - Khẳng định lại vấn đề nghị luận: Hiện tượng nghiện Game online của giới trẻ hiện nay cần phải bị lên án để dần loại bỏ trong cuộc sống.  - Liên hệ với bản thân, rút ra bài học nhận thức và hành động. | 3,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lí lẽ thuyết phục, bằng chứng xác thực. |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |